

MẤY NHẬN XÉT VỀ KINH TẾ HÀNG HÓA Ở HÀ NỘI THỜI KỲ THỰC DÂN PHÁP ĐÔ HỘ VÀ TẠM CHIẾM

NGUYỄN VĂN KHÁNH*
PHẠM KIM THANH**

Ngày 1-10-1888 (tức ngày 6 tháng 8 năm Đồng Khánh thứ ba), triều đình Huế ra chỉ dụ thừa nhận Hà Nội là nhượng địa của Pháp. Từ đây, Pháp nắm chủ quyền cai quản Hà Nội; và kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố bắt đầu phát triển theo hướng phục vụ cho bộ máy cai trị của chính quyền thực dân và đem lại lợi nhuận tối đa cho các nhà tư bản Pháp. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp, Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng chỉ hơn 1 năm sau, ngày 19-12-1946 thực dân Pháp trở lại xâm lược Hà Nội, Đảng và Chính phủ phải rút lên Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. Hà Nội trở thành vùng tạm chiếm và là địa bàn chiến lược quan trọng của quân đội Pháp trên chiến trường Đông Dương. Nhân tài, vật lực của thành phố không chỉ bị tư bản Pháp bóc lột mà còn bị huy động vào cuộc chiến tranh phi nghĩa. Gần một thế kỷ bị tư bản Pháp thống trị, bóc lột, kinh tế hàng hóa Hà Nội *phát triển trong sự kìm hãm của chủ nghĩa tư bản - thực dân*. Do đó, khác hẳn kinh tế hàng hóa Thăng

Long trong thế kỷ XVI-XVII, kinh tế hàng hóa Hà Nội thời Cận đại mang những nét đặc trưng riêng với sự hiện diện của các ngành kinh tế mới (kinh doanh tiền tệ; giao thông vận tải (GTVT); bưu chính; buôn bán bất động sản; các dịch vụ đô thị...). Dưới tác động trực tiếp của chính sách kinh tế thuộc địa mà chủ tư bản Pháp áp đặt, kinh tế hàng hóa Hà Nội đã buộc phải *vận động và phát triển theo quy luật của kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa* (TBCN), thể hiện trong mấy đặc điểm sau:

1. Hà Nội là đầu mối giao thương của Bắc Kỳ với các khu vực khác ở trong nước và quốc tế

Trước khi trở thành nhượng địa của Pháp, Hà Nội đã có quan hệ thương mại với các nước Hà Lan, Anh, Ấn Độ, Indônêxia, Trung Hoa. Hà Nội có 6 hãng buôn của người Âu, 72 hàng buôn của người Hoa. Trung tâm buôn bán tập nập nhất là chợ Gạo, chợ Bạch Mã, chợ Cầu Đông. Tư bản Pháp đã sớm nhận ra vị thế thương mại của Hà Nội nên đã tìm cách biến nơi đây thành thị trường quan trọng nhất Bắc Kỳ

* PGS. TS. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

** Th.S. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

trong mối quan hệ thương mại với thị trường Đông Dương và quốc tế. Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 đó có 52 công ty vô danh của tư bản nước ngoài, trong đó 43 công ty của tư bản Pháp lập chi nhánh tại Hà Nội hoặc có trụ sở ở Hà Nội để kinh doanh, giao dịch với các hãng hoặc công ty tư bản trong và ngoài nước. Mỗi hãng, công ty có thể kinh doanh nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau. Hà Nội mở rộng quan hệ với các nước châu Âu khác (Thụy Sĩ, Đức); Châu Phi (các nước thuộc địa của Pháp); Châu Á (Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản); Mỹ... Do đó, hàng hóa trên thị trường đa dạng phong phú hơn so với trước, đáp ứng được nhu cầu của tầng lớp thị dân.

Sự đầu tư mạnh mẽ, ô ạt của tư bản Pháp vào thương mại Bắc Kỳ trước và ngay trong đợt khai thác I mà trọng tâm là ở Hà Nội, càng làm cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và quan hệ buôn bán nhanh chóng phát triển. Nhưng nắm độc quyền trong quan hệ thương mại với các nước bạn hàng là các hãng và công ty lớn của tư bản Pháp. Cùng với tư bản Pháp, tư bản người Hoa là lực lượng đóng vai trò chi phối quan hệ thương mại của Hà Nội với các nước châu Á và Nam Á. Trong hoạt động buôn bán giữa Hà Nội với nước ngoài, cảng Hải Phòng là huyết mạch giao thông quan trọng nhất. "Năm 1939, cảng này đón nhận 23% ngoại thương Đông Dương" (1). Hàng

ngoại nhập vào Hà Nội chủ yếu là thực phẩm chế biến, bách hóa, mỹ phẩm, vải vóc, quần áo, giày da và các đồ dùng khác (máy ảnh, đồng hồ, bút máy, dầu thắp...) phục vụ nhu cầu của cư dân trung - thượng lưu. Từ Hà Nội, hàng hóa được các hãng và công ty độc quyền của Pháp, Hoa, Việt bán buôn cho các tỉnh Bắc Kỳ để xuất sang Lào. Trong quan hệ thương mại với Mỹ, thị trường Hà Nội chủ yếu nhập xăng dầu, ô tô. Đó là lý do giải thích vì sao các hãng Shell, Caltex, Standard đã sớm có mặt ở Hà Nội ngay từ đầu thế kỷ XX. Ngoài ra, thị trường Hà Nội cũng nhập thuốc lá, đồ điện tử, phân bón hóa học từ Mỹ, nhưng không đáng kể (2). Đối với hàng xuất khẩu, Hà Nội nhận hàng hóa từ các tỉnh đưa về rồi xuất đi theo đường biển, đường hàng không, chủ yếu là hàng đặc sản sơ chế từ sản phẩm nông lâm nghiệp (tôm, cá khô, da thô, dầu hồi, chè, cà phê) và các hàng thủ công mỹ nghệ (thêu, mây - tre đan, khăn trải...).

Từ năm 1940 đến năm 1946, do ảnh hưởng của Chiến tranh thế giới II và cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, quan hệ buôn bán giữa Hà Nội với nước ngoài gặp khó khăn, thị trường bị thu hẹp, hàng hoá nhập vào Hà Nội giảm sút nhiều.

Sau khi thực dân Pháp tái chiếm và ổn định được bộ máy cai trị, quan hệ buôn bán với các nước bạn hàng cũ được nối lại. Từ

Bảng 1: Số tàu và hàng hóa vào cảng Hà Nội và Hải phòng năm 1938, 1944

Đơn vị: 1.000 tấn

Cảng	Năm 1938		Năm 1944	
	Số tàu (chiếc)	Lượng hàng hoá	Số tàu (chiếc)	Lượng hàng hoá
Hà Nội	6.950	672,9	6.020	372,6
Hải Phòng	21.016	2.309,1	13.952	593,9

Nguồn: *Annuaire statistique de L'Indochine, 1938; tr.*

Annuaire statistique de L'Indochine, 1943 - 1944, tr. 128.

cuối năm 1947, chủ tư bản Pháp vẫn chiếm vị trí độc quyền, đứng đầu trong số các nước nhập khẩu hàng hóa vào thị trường Đông Dương nói chung, Hà Nội nói riêng. Nhưng ở thời kỳ này, quân đội Pháp bị lún sâu và thua đau trên chiến trường Đông Dương, nên các hãng và công ty tư bản Pháp càng tận dụng cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, kể cả hàng quân sự sang Đông Dương, làm cho cán cân thương mại lâm vào tình trạng thâm hụt nặng nề. Các nước là bạn hàng cũ (trừ Nhật Bản) đều giảm mạnh lượng hàng nhập khẩu vào Việt Nam, trong khi Mỹ có tỷ trọng hàng hoá chiếm 9,1% vào năm 1949, vươn lên đứng hàng thứ hai thay vị trí của Trung Quốc và Hồng Kông.

Thị trường hàng ngoại nhập thời kỳ này khá phong phú và đa dạng về chủng loại mặt hàng. Nhưng là căn cứ quân sự quan trọng của quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương, Hà Nội không ổn định thị trường để phát triển kinh tế như trước. Thêm nữa, Đường số 5, con đường huyết mạch nối cảng Hải Phòng với Hà Nội - thường xuyên bị du kích đánh phá để ngăn chặn các cuộc hành binh của quân đội Pháp. Vì vậy, hàng hóa xuất nhập cảng vào Bắc Kỳ qua Hải Phòng - Hà Nội thấp hơn so với Nam Kỳ. Có thể hiểu rõ thêm điều này qua bảng thống kê (xem bảng 2):

Bảng thống kê còn cho thấy sản lượng hàng hóa nhập khẩu vào Bắc Kỳ qua cảng Hà Nội và Hải Phòng vào những năm 1950

Bảng 2: Hàng hóa xuất - nhập khẩu của miền Bắc năm 1940, 1950, 1951

Đơn vị: 1.000 tấn

Năm	Tổng hàng hóa nhập vào Đông Dương	Hàng nhập cảng vào miền Bắc và miền Nam Việt Nam	Tổng hàng hóa nhập vào Đông Dương	Hàng nhập cảng vào miền Bắc và miền Nam Việt Nam
1940	483	93,6/386,3	405,6	148,4/257,2
1950	520,3	115,1/402,1	359,7	107,0/251,1
1951	648,1	140,4/497,7	680,5	233,2/447,3

Nguồn: *Annuaire statistique de l'Indochine*, năm 1950, tr. 241 và năm 1951, tr. 215

Tình hình thương mại như trên đã tác động trực tiếp đến thị trường Hà Nội. Các mặt hàng của Pháp và thuộc địa Pháp vẫn chiếm lĩnh thị trường; ngoài ra còn có hàng của các nước châu Âu. Hàng Mỹ vào Hà Nội dưới áo khoác "chương trình viện trợ Mỹ", trong đó nhiều nhất là ô tô và phụ tùng, xăng dầu, máy móc, phân bón; thuốc lá, sợi bông. Các bạn hàng cũ (Trung Hoa, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Ấn Độ) vẫn nhập các mặt hàng truyền thống như vải vóc, len, dạ, lụa, mỹ phẩm, hương liệu, đồ gốm sứ, máy may...

cũng giảm nhiều so với thời kỳ thuộc địa.

2. Các ngành kinh tế mới đóng vai trò chi phối nền kinh tế hàng hóa của Hà Nội

Đây là điểm mới, khác biệt hoàn toàn so với kinh tế hàng hóa của Thăng Long - Hà Nội dưới thời phong kiến. Từ đầu thế kỷ XX, song song với việc duy trì các ngành kinh tế truyền thống của Hà Nội (tiểu - thủ công nghiệp), tư bản Pháp đẩy mạnh du nhập vào Hà Nội một số ngành kinh tế được sản xuất bằng máy móc kỹ thuật theo kiểu châu Âu. Trên cơ sở đó làm xuất hiện hàng loạt những cơ sở công nghiệp mới.

Về công nghiệp phục vụ lợi ích công cộng đô thị cũ Nhà máy điện Yên Phụ, đền Bờ Hồ (1902), nước Yên Phụ.

Về giao thông vận tải có các hãng, công ty và các nhà máy, các xưởng chuyên sửa chữa, lắp ráp. Về công nghiệp nhẹ xuất hiện các nhà máy sợi bông, rượu, bia, giày da Thụy Khuê, thuốc lá...

Trong ngành dịch vụ quan trọng nhất là dịch vụ tiện tệ - ngân hàng, bưu điện - viễn thông, nhà đất. Ngoài ra, các dịch vụ sinh hoạt phục vụ nhu cầu đời sống thị dân cũng ngày càng phát triển mạnh dưới hình thức khách sạn, nhà hàng, vũ trường, rạp hát, ca kịch, các trò vui chơi...

Sự hình thành và phát triển của công nghiệp và hệ thống các ngành dịch vụ hiện đại đã đem lại cho kinh tế Hà Nội một diện mạo mới với quy trình công nghệ và chất lượng cao hơn hẳn một số cơ sở sản xuất mang tính chất tiền TBCN. Đến trước 1939, Hà Nội có 23 công ty công nghiệp (chiếm 10% tổng số công ty vô danh của Pháp ở Đông Dương - 223 công ty), 20 công ty vô danh kinh doanh trên các lĩnh vực thương mại, tiện tệ, giao thông vận tải, bưu điện, nông lâm nghiệp. Các nhà máy, xí nghiệp... công nghiệp tư bản Pháp chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng số các cơ sở công thương nghiệp của toàn bộ giới chủ tư bản ở Hà Nội (Pháp, Hoa, Ấn, Việt), nhưng giữ vai trò độc quyền và chi phối các hoạt động sản xuất - kinh doanh ở đây.

Trong điều kiện của một thành phố nhượng địa rồi sau đó bị Pháp chiếm đóng, Hà Nội đã tạo lập được một cơ cấu kinh tế hàng hóa, trong đó, những ngành kinh tế mới giữ vị trí chủ chốt. Dù ban đầu bị áp đặt, cưỡng bức vì mục đích lợi nhuận của tư bản - thực dân, nhưng các ngành kinh tế mới dần trở thành một bộ phận quan trọng,

chi phối sự vận hành của toàn bộ nền kinh tế. Đó là điểm tiến bộ và phát triển của kinh tế hàng hóa Hà Nội thời thuộc địa và tạm chiếm so với giai đoạn trước.

3. Hà Nội là trung tâm trung chuyển và phân phối hàng hóa của Bắc Kỳ và Bắc Đông Dương

Do vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi nên Hà Nội không chỉ là trung tâm chính trị - văn hóa mà còn là một trung tâm kinh tế. Với vị trí trung tâm thương mại và trung chuyển hàng hoá lớn nhất của Bắc Kỳ, Hà Nội trở thành nơi tập kết các hàng nông - lâm - thổ sản từ Thanh - Nghệ ra, từ Tây Bắc, Việt Bắc xuống, lúa gạo và hàng thủ công mỹ từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ được chuyển lên. Từ đây, các chủ lại bao mua và xuất hàng ra thị trường nước ngoài; còn hàng do Hà Nội sản xuất ra và hàng nhập về từ nước ngoài lại tỏa đi khắp thị trường Bắc Kỳ.

Tận dụng, phát huy ưu thế và tiềm năng này của Hà Nội, tư bản Pháp đã mở rộng khu vực chợ đầu mối ở chợ Gạo - cầu Đông thành chợ Đồng Xuân; xây cảng sông Hồng, ga Hà Nội để đẩy mạnh hơn nữa giao thương giữa thị trường Hà Nội với các vùng, miền của Bắc Kỳ và quốc tế, đáp ứng nhu cầu của kinh tế đô thị. So với Sài Gòn, Hà Nội không có lợi thế về cảng biển, phải trung chuyển hàng hoá rồi xuất nhập khẩu qua cảng Hải Phòng, nhưng Hà Nội lại giữ vị trí đầu mối thông thương giữa Bắc Kỳ với Bắc Đông Dương và quốc tế. Trong ba chức năng: sản xuất - tiêu thụ - phân phối sản phẩm của kinh tế hàng hóa thì Hà Nội chủ yếu làm chức năng thị trường tiêu thụ và phân phối sản phẩm.

Cho dù dưới thời phong kiến, Thăng Long-Hà Nội là nơi tập trung thợ thủ công tinh xảo có tay nghề cao nhất nước, đã có

một số xưởng thợ, có tính chất chuyên môn hóa; còn đến thời Pháp đô hộ và chiếm đóng, đã có nhà máy công nghiệp hiện đại, thì Hà Nội trước sau vẫn không phải là thành phố công nghiệp. Sản xuất hàng hóa (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp) chỉ chiếm một phần trong toàn bộ hoạt động và thu nhập của nền kinh tế. Cho đến năm 1950, Hà Nội có 1.522 cơ sở công nghiệp và tiểu - thủ công nghiệp với 3 vạn công nhân. Các cơ sở kinh doanh nhiều gấp 5 lần so với số cơ sở sản xuất: 168 hãng và công ty xuất nhập cảng lớn trong đó có gần 50 cơ sở là của tư bản Pháp (trong tổng số 7.317 cơ sở kinh doanh ở nội thành). Ở Hải Phòng, số cơ sở buôn bán kinh doanh là 4.208, chỉ bằng gần 1/2 so với Hà Nội), chưa kể những người bán rong (3).

Nhận xét về vai trò trung chuyển hàng hóa của Hà Nội, nhà nghiên cứu người Pháp, tác giả J. Aumiphin đã viết rằng: "Thành phố Hà Nội không phải là một trung tâm kỹ nghệ loại nhất... Thành phố Hà Nội là trung tâm kinh tế và chính trị của Bắc Kỳ, là một trung tâm thương mại và vị trí ưu đãi có lợi thế, là nơi quy tụ tất cả các con đường giao thông. Điều đó rất nghĩa vì sao nó tập trung được các sản phẩm địa phương và phân hàng từ Hải Phòng ra phần lớn lãnh thổ Đông Dương" (4).

4. Trên cơ sở nền kinh tế hàng hóa đã xuất hiện và phát triển một tầng lớp tư sản công thương nghiệp - dịch vụ ở Hà Nội

Mặc dù bị tư bản Pháp, Hoa chèn ép nhưng tư sản Hà Nội đã từng bước vươn lên xâm nhập vào thị trường, trở thành một lực lượng kinh tế - xã hội đáng kể của thành phố. Năm 1899, Hà Nội có 73 nhà công thương Việt Nam (60 nhà buôn, 1

thầu khoán, 12 chủ xưởng). Sau Chiến tranh thế giới I, tư sản Hà Nội đã vươn lên làm chủ một số cửa hàng có uy tín và nhà máy xí nghiệp có quy mô khá lớn: Công ty Hưng Ký có số vốn 20.000\$ và 300 công nhân làm việc ở nhà máy gạch Hưng Ký. Công ty gốm Nguyễn Bá Chính có số vốn 130.000\$ và 200 công nhân làm việc ở nhà máy Thanh Trì. Vừa có công ty kinh doanh vừa có nhà máy sản xuất là "mô hình" hoạt động khá phổ biến của một số tư sản lớn ở Hà Nội. Đến năm 1943, Hà Nội có 36 cơ sở kinh doanh của tư sản lớn (bao gồm cả người nước ngoài), trong đó có 10 công ty vô danh (5) trên tổng số 10.699 cơ sở kinh doanh của thương nhân Việt Nam (Hải Phòng chỉ có 2.960 cơ sở) (6). Hoạt động và phát triển trong sự cạnh tranh, chèn ép dữ dội của tư sản Pháp, một số nhà tư sản người Việt vẫn đứng vững và khẳng định được vị thế của mình: Hãng Vũ Văn An vừa độc quyền bán tơ lụa nhập khẩu của Pháp, vừa sản xuất - kinh doanh tơ tằm lụa của Việt Nam. Hãng sản xuất Hiệp Ích có 800 cổ phần với tổng số vốn 20.000\$. Hãng buôn Đan Phong chuyên bán buôn, bán lẻ hàng bông, sợi, tạp hoá, độc quyền ở Bắc Kỳ để cung cấp hàng tạp hóa. Hãng Kim Quy nổi tiếng về vàng bạc, nữ trang trên thị trường toàn quốc. Một số người làm hãng đại lý phân phối hàng ngoại nhập từ châu Âu. Tuy số lượng tư sản lớn của Hà Nội không nhiều, (phần lớn là tư sản vừa và nhỏ), nhưng tầng lớp tư sản đã góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế hàng hóa Hà Nội vào thời kì này.

Sau một thời gian tản cư do chiến tranh, từ năm 1947, tư sản Hà Nội trở về thành phố mở lại các công ty, hãng buôn, xí nghiệp. Nhờ có tri thức và kinh nghiệm buôn bán đã tích lũy được trước đó, lại có thực lực kinh tế hơn, các nhà tư sản lớn ở

Hà Nội tiến hành kinh doanh buôn bán mạnh hơn trước năm 1945. Họ tham gia phát cổ phần để thành lập công ty mới, liên kết với tư sản Hải Phòng để đặt chi nhánh sản xuất - kinh doanh hàng. Năm 1953, một số tư sản Hà Nội tham gia góp vốn lập Ngân hàng công thương Việt Nam (trụ sở ở Sài Gòn, có chi nhánh tại Hà Nội); tham gia Ủy ban kinh tế lý tài Việt Nam để bảo vệ quyền lợi của tư sản Việt Nam. So với thời thuộc Pháp, tư sản công thương nghiệp Hà Nội thời kỳ này mạnh hơn cả về cơ sở sản xuất - kinh doanh và ý thức giai cấp, cũng như trình độ và năng lực cạnh tranh trên thương trường với các "ông chủ" tư sản Pháp, Hoa. Đến cuối thời kỳ kháng chiến chống Pháp, một số nhà tư sản lớn đã tìm cách di cư vào Nam, hoặc sang Pháp, nhưng phần lớn tư sản dân tộc yêu nước đã ở lại để góp phần xây dựng thành phố.

Trong điều kiện một nước thuộc địa vừa bị tư bản Pháp kìm hãm cạnh tranh dữ dội, chèn ép nặng nề, các nhà tư bản Hà Nội chủ yếu là tư bản vừa và nhỏ, thế lực thấp kém (7). Tuy nhiên, tư sản Hà Nội cùng các cơ sở kinh doanh - sản xuất - dịch vụ ở các ngành kinh tế đã thể hiện bước tiến bộ hơn hẳn so với các thời kỳ trước đó.

5. Trong cơ cấu kinh tế hàng hóa Hà Nội thời kỳ trước 1954 các ngành kinh tế truyền thống vẫn chiếm vị trí quan trọng

+ Hàng tiểu thủ công nghiệp (TTCN):

Cùng với sự hình thành và phát triển của nền kinh tế hàng hóa TBCN, hàng TTCN ngày càng tinh xảo, có giá trị kỹ thuật, mỹ thuật cao. Thăng Long - Hà Nội là nơi tụ hội nhiều thợ thủ công tài khéo nhất cả nước. Những xưởng thủ công ở các phố nghề thường được tổ chức ngay trong nhà, thuê từ 5 đến 20 thợ, chủ nhà thường

đồng thời là chủ xưởng, chủ giao dịch buôn bán hàng. Hàng TTCN không chỉ đáp ứng nhu cầu hàng ngày của nhân dân kinh thành mà còn được giao bán đi các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ. Đặc biệt, một số mặt hàng mỹ nghệ chuyên sản xuất để xuất khẩu đi các nước.

Nhận rõ lợi thế của hàng TTCN trên thị trường, tư bản Pháp đã có một số chính sách khuyến khích hàng thủ công - mỹ nghệ như phát triển và giới thiệu sản phẩm xuất khẩu với các bạn hàng trên thế giới thông qua các cuộc triển lãm, hội chợ.

Nhằm mục đích mở hội chợ để giới thiệu những hàng hóa, kỹ nghệ của Bắc Kỳ, ngày 3-11-1902, hội chợ đầu tiên của các nước thuộc địa và Viễn Đông được khai mạc tại Hà Nội. Thành công của hội chợ đã thúc đẩy Đốc lý thành phố quyết định tổ chức hội chợ Hà Nội. Ngày 15-12-1918, hội chợ đầu tiên của thành phố được tổ chức với sự tham gia của 15 Công ty thương mại trong và ngoài nước. Từ đó đến năm 1941, có 15 hội chợ đã diễn ra với hàng ngàn sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các tỉnh Bắc Kỳ và sản phẩm của nước ngoài. (Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Mã Lai, Ma Rốc, Tuynidi, Angiêri). Sau một thời gian gián đoạn vì chiến tranh, năm 1953 hàng thủ công mỹ nghệ Hà Nội tham gia hội chợ ở Thị xã Hà Đông và tiếp đó là ở Paris. Hội chợ là một hình thức mới trong hoạt động giới thiệu, tìm hiểu, thúc đẩy giao lưu sản phẩm hàng hóa giữa Hà Nội, Bắc Kỳ và nước ngoài; qua đó hàng thủ công mỹ nghệ càng được khẳng định giá trị trên thị trường ở trong và ngoài nước.

Trên cơ sở tiếp thu kỹ thuật mới, cải tiến máy móc, trang thiết bị kỹ thuật, đào tạo và nâng cao tay nghề của đội ngũ thợ lành nghề, hàng TTCN Hà Nội đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt

có sự xuất hiện một số nghề mới phục vụ nhu cầu của thị dân như: giấy da, may Âu phục, đồ thủy tinh - pha lê, giấy vở, chế biến bánh ngọt...

Nhờ có sự cải tiến mẫu mã, hàng thủ công mỹ nghệ xuất sang châu Âu rất được ưa chuộng, hấp dẫn khách hàng, nổi tiếng nhất vẫn là các mặt hàng thêu, sơn mài, chạm khắc trai, mây tre đan, tranh Hàng Trống, đúc đồng Ngũ Xá. Các nghề cơ - kim khí - rèn, đúc đồ nhôm, chế biến lương thực, thực phẩm (làm bún, đậu, bánh các loại...), nguyên vật liệu xây dựng (vôi, cát, gạch...) hoạt động không đều, hoặc ngừng sản xuất trong từng thời gian, vì bị phụ thuộc rất lớn vào hàng ngoại nhập tràn ngập thị trường. Những mặt hàng phục vụ dân sinh hoàn toàn bị "thả nổi" trên thị trường: Một số sản phẩm "đứng" được và còn xuất đi các tỉnh Bắc Kỳ như các mặt hàng ngũ kim, đúc lưỡi cày..., nhưng có một số sản phẩm ngày càng bị teo đi như giấy Bưởi, dệt tơ lụa và vải bông (dùng cả nguyên bông nhập ngoại).

Thời kỳ Pháp tạm chiếm, TTCN được sản xuất trong các xưởng nhỏ thuê hoặc xưởng do gia đình tổ chức tại nhà. Sản phẩm TTCN vẫn chịu sức ép lớn của thị trường, chủ yếu được tiêu thụ ở các chợ nhỏ phục vụ nhân dân lao động nội và ngoại thành. Cho đến năm 1954, TTCN vẫn quá nhỏ bé về quy mô, lạc hậu về kỹ thuật, máy móc vì không được chính quyền thành phố tạo điều kiện phát triển (trừ hàng thủ công - mỹ nghệ để xuất khẩu). Tuy vậy, TTCN vẫn tồn tại và phát triển để phục vụ những nhu cầu thiết yếu dân sinh, phù hợp với mức thu nhập của hàng chục vạn dân cư mà hàng công nghiệp hoặc hàng ngoại nhập không thể đáp ứng được. Ngoài ra, một phần sản phẩm TTCN cũng đã trở thành hàng hóa trên thị trường Hà Nội.

+ Hàng nông nghiệp:

Thời thuộc Pháp, nông nghiệp ngoại thành thuộc huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông (từ năm 1942 đổi thành Đại lý Hoàn Long). Trước đó, sản phẩm nông nghiệp Hà Nội với các sản vật nổi tiếng như cá rô Đầm Sét, ổi Quảng Bá, cá Hồ Tây, mơ và đậu phụ Kẻ Mơ, bún Nghĩa Đô, cốm Vòng... Những năm từ 1920-1940 của thế kỷ XX, diện tích đất nông nghiệp liên tục bị thu hẹp do bị sử dụng để phục vụ mục đích mở rộng các công trình đô thị, xây dựng đường phố, nhà cửa, xưởng sản xuất. Nhưng chính trong thời kỳ này, nông nghiệp Hà Nội lại có những khởi sắc đáng kể. Nhiều giống lúa, rau, màu, hoa, cây công nghiệp đã được đưa từ châu Âu sang; và một số làng xã ngoại thành đã trở thành nơi cung cấp các loại nông phẩm phổ biến như: su hào, bắp cải, súp lơ, cần tây, tỏi tây, cà rốt, khoai tây, hoa lay ơn, vi-ô-lét... Sản phẩm rau, hoa màu của Hà Nội khá phong phú được sản xuất trên diện tích 426 mẫu (8). Nông nghiệp ngoại thành giữ vai trò chủ yếu trong việc cung cấp rau màu cho thành phố. Để đáp ứng nhu cầu của đời sống đô thị, rau, hoa tươi trở thành nông phẩm có giá trị hàng hoá cao. Nhưng đối với nhóm ngành cây lương thực thì ruộng đất ngoại thành chỉ đảm bảo tự cung - tự cấp cho nhân dân các làng xã và một phần dân cư nội thành. Từ năm 1943, cộng nhân viên chức đã phải ăn gạo theo sổ (do chính quyền thành phố cấp phát). Sau nạn đói năm 1945, Hà Nội thường xuyên phải nhập gạo của các tỉnh Nam Bộ. Gạo từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ lưu thông đến thị trường Hà Nội hạn chế hơn trước nhiều. Số ruộng đất ngoại thành bị bỏ hoang (241 mẫu 8 sào), bị địch chiếm làm sân bay (427 mẫu), chiếm gần 50% tổng số ruộng đất canh tác 1.706 mẫu (9). Do vậy, nhân dân nội thành phải mua gạo ở 37 ty gạo - thực chất là các

chủ buôn. Rau xanh không còn được dồi dào như thời kỳ trước chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng vẫn là nguồn nông phẩm quan trọng không thể thiếu được cung cấp cho các chợ nội thành.

*

Tóm lại, kinh tế hàng hóa Hà Nội thời Pháp đô hộ và chiếm đóng được hình thành và phát triển dưới ách cai trị và bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp. Chịu tác động trực tiếp của chính sách kinh tế thuộc địa phản động suốt gần một thế kỷ (1873-1954), kinh tế hàng hóa Hà Nội dù có những mặt phát triển hơn so với thời phong kiến, nhưng nhìn tổng thể đó vẫn là nền kinh tế nhỏ bé,

lạc hậu. Thêm nữa, vai trò trung tâm trung chuyển và phân phối hàng hoá Bắc Kỳ của Hà Nội còn bị giảm sút trong 8 năm tạm chiếm. Mặc dù vậy, trong nền kinh tế hàng hóa Hà Nội thời kỳ này đã xuất hiện những yếu tố mới, tiến bộ hơn cả về ngành nghề sản xuất, về cơ sở vật chất, kỹ thuật và đội ngũ doanh nhân trong xu thế "cạnh tranh" ngày càng gay gắt, đồng thời cũng lệ thuộc ngày càng nặng nề vào chủ tư bản Pháp. Đó là hậu quả của chính sách độc quyền thương mại của tư bản thực dân Pháp và cũng là một trong những đặc điểm nổi bật nhất của kinh tế hàng hóa Hà Nội thời kì thuộc địa và tạm bị chiếm.

CHÚ THÍCH

(1). J. Aumiphin, *Sự hiện diện kinh tế và tài chính Pháp ở Đông Dương*, Hội Sử học xuất bản, Hà Nội, 1994, tr. 121.

(2). Theo tác giả Phạm Thành Vinh, trong sách "*Một vài nét về quá trình xâm nhập kinh tế của Đế quốc Mỹ vào Việt Nam*", Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, thì tỷ trọng hàng hóa Mỹ nhập vào Đông Dương giai đoạn 1925 - 1929: 2,6%, 1930 - 1934: 2,3%, 1935 - 1939: 6,6%.

(3). *Annuaire statistique du Việt Nam*, 1950, tr 284.

(4). J.Aumiphin, sdd, tr. 72.

(5). *Báo Cứu quốc* số 55, 1/10/1945.

(6). *Annuaire statistique de l'Indochine*, 1946, tr 222.

(7). Năm 1950, khi thị trường thành phố đang phát triển mạnh thì tư sản lớn có 15 cơ sở, tư sản hạng vừa trung có 134 cơ sở, hạng trung có 1.169 cơ sở, hạng nhỏ có 4.915 cơ sở trong tổng số 7.391 cơ sở kinh doanh. Theo *Annuaire statistique*, 1950, tr. 284.

(8). Mairie de Hanoi - 4545 - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

(9). Biên bản hội nghị cán bộ ngành canh nông, tháng 12-1954, Lưu trữ Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội, hồ sơ 46/1954.